TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 3 - 2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngụy Thị Thanh Thủy;
2. Bà Nguyễn Thị Bé.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Đ, xóm V, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1987;
Địa chỉ: Thôn C, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(*Bà* L *vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông* Đ *có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà* Bùi Thị L *trình bày*:

Bà và ông Trần Văn Đ kết hôn ngày 17/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng do hai bên tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa nên yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

- Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Phương U, sinh ngày 28/6/2013 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 28/11/2015. Khi ly hôn bà đồng ý giao 02 con cho chồng nuôi.

- Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng có vay của Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện B số tiền 150.000.000 đồng.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, Bị đơn ông* Trần Văn Đ *trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà L kết hôn ngày 17/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, vợ ông đã chuyển về xóm V, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình sinh sống, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông thì ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L.

- Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Phương U, sinh ngày 28/6/2013 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 28/11/2015, hiện 02 cháu đang ở với ông bà nội ở xã L, huyện B, ông Đ vẫn thường xuyên đi về chăm sóc và thăm con. Khi ly hôn ông, bà thỏa thuận ông Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu đến khi trưởng thành, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng có vay của Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện B số tiền 150.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông đồng ý tự nguyện trả số tiền vay này.

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do bà L vắng mặt và ông Đ đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ. Ông Trần Văn Đ đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị L và ông Trần Văn Đ; Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Trần Thị Phương U, sinh ngày 28/6/2013 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 28/11/2015 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị L đối với ông Trần Văn Đ là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn C, xã R, huyện Đ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014 ngày 17/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B thì quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị L và ông Trần Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc bà Bùi Thị L vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay, bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị L.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị L: Bà L và ông Đ kết hôn ngày 17/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở tự nguyện. Hai vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Đ. Về phía ông Trần Văn Đ xác định bà L đã chuyển về xóm V, xã K, huyện K, tỉnh Hòa Bình sinh sống, không ai còn quan tâm đến ai và ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Linh là có cơ sở, nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[5] Về con chung: Ông Đ, bà L xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Phương U, sinh ngày 28/6/2013 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 28/11/2015, hiện 02 cháu đang ở với ông bà nội ở xã L, huyện B. Hai vợ chồng ông, bà thỏa thuận giao cả hai cháu cho ông Đ nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, cháu U có nguyện vọng được ở với bố, cháu T hiện nay tuy đã đủ 07 tuổi nhưng do cháu ở Bảo Lâm, Tòa án chưa ghi nhận nguyện vọng của cháu, tuy nhiên cháu hiện ở cùng ông bà nội, bố cháu khẳng định vẫn thường xuyên đi về chăm sóc và thăm con trong khi bố mẹ cháu thỏa thuận giao cả hai cháu cho bố trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, các bên thỏa thuận bà L không phải cấp dưỡng nuôi con, trong khi ông Đ khẳng định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do vậy, cần giao cháu U và T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Ông Đ, bà L xác định tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông Đ, bà L xác định chồng có vay của Ngân hàng N thông qua Chi nhánh huyện B số tiền 150.000.000 đồng. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ

án, công văn cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N, tuy nhiên phía Ngân hàng không có văn bản yêu cầu gì, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L: Bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Phương U, sinh ngày 28/6/2013 và cháu Trần Thị Thùy T, sinh ngày 28/11/2015 cho ông Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Bà Bùi Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004410 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- Chị cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hải Dương